



Review Article

An Overview of the Benefits of International Cooperation Mechanisms for Reducing Greenhouse Gas Emissions

Nguyen Thi Quynh Nga^{1,*}, Be Ngoc Diep¹, Nguyen Thi Quynh Anh²

¹*Institute of Meteorology, Hydrology, and Climate Change,
23 Nguyen Chi Thanh, Dong Da, Hanoi, Vietnam*

²*Institute of Policy and Management, 336 Nguyen Trai, Thanh Xuan, Hanoi, Vietnam*

Received 21 September 2024

Revised 10 December 2024; Accepted 25 December 2024

Abstract: The study has reviewed the international cooperation mechanisms within the United Nations Framework Convention on Climate Change (UNFCCC) framework and synthesized their benefits to reduce greenhouse gas emissions. This study focuses on international cooperation mechanisms between countries during the Kyoto Protocol period, including mechanisms: Joint Implementation (JI), Joint Crediting Mechanism (JCM) and Clean Development Mechanism (CDM). After the Paris Agreement, countries can conduct bilateral and multilateral cooperation mechanisms to enhance the emission reduction implementation in Article 6 through the International Transferable Mitigation Mechanism (ITMO) and the Sustainable Development Mechanism (SDM). International cooperation between countries has brought a lot of great advantages in terms of implementing emission reduction commitments and the socio-economics of those countries. Vietnam also has experience participating in the CDM and JCM and has achieved many valuable results. These experiences may encourage Vietnam to implement other international cooperation mechanisms to reduce emissions in the future.

Keywords: Emission mitigation, benefit, Kyoto Protocol, Paris Agreement.

* Corresponding author.

E-mail address: nguyenquynhnga95@gmail.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1116/vnupam.4521>

Tổng quan lợi ích của một số cơ chế hợp tác quốc tế giảm phát thải khí nhà kính

Nguyễn Thị Quỳnh Nga^{1,*}, Bế Ngọc Diệp¹, Nguyễn Thị Quỳnh Anh²

¹Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu,
23 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam

²Viện Chính sách và Quản lý, 336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội, Việt Nam

Nhận ngày 21 tháng 09 năm 2024

Chỉnh sửa ngày 10 tháng 12 năm 2024; Chấp nhận đăng ngày 11 tháng 12 năm 2024

Tóm tắt: Nghiên cứu đã tiến hành tổng hợp các cơ chế hợp tác quốc tế trong Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (UNFCCC) và những lợi ích của cơ chế này nhằm hướng tới mục tiêu đồng góp giảm phát thải khí nhà kính trên thế giới. Nghiên cứu này tập trung vào các cơ chế hợp tác quốc tế giữa các quốc gia được quy định trong Nghị định thư Kyoto bao gồm cơ chế: cơ chế đồng thực hiện (JI), Cơ chế tín dụng chung (JCM) và Cơ chế phát triển sạch (CDM). Tiếp đó đến Thỏa thuận Paris được thành lập, các quốc gia có thể tiến hành các cơ chế hợp tác song phương, đa phương pháp thúc đẩy tăng cường thực hiện giảm phát thải tại Điều 6 qua Cơ chế kết quả giảm nhẹ được chuyển giao quốc tế (ITMO) và Cơ chế phát triển bền vững (SDM). Hợp tác quốc tế giữa các quốc gia đã mang lại lợi ích lớn về mặt thực hiện cam kết giảm phát thải, kinh tế - xã hội của chính các quốc gia đó. Việt Nam cũng đã có kinh nghiệm tham gia cơ chế CDM, JCM và đã thu được nhiều kết quả. Nhờ những kinh nghiệm đó, Việt Nam sẽ có cơ hội thực hiện nhiều cơ chế hợp tác quốc tế khác để giảm phát thải trong tương lai.

Từ khóa: giảm phát thải khí nhà kính, lợi ích, nghị định thư Kyoto, thỏa thuận Paris.

1. Đặt vấn đề

Biến đổi khí hậu đang tiến triển nhanh chóng, ảnh hưởng đến tất cả các hệ thống khí hậu như đại dương, băng, khí quyển, đất liền và sinh quyển dẫn đến các sự kiện thời tiết cực đoan thường xuyên và dữ dội. Thực tế, từ rất sớm, trái đất đã nóng lên trên toàn cầu hơn kể từ thời tiền công nghiệp qua sự quan sát của các nhà khoa học. Năm 1998, Ủy ban liên chính phủ về biến đổi khí hậu (IPCC) được thành lập bởi Chương trình Môi trường Liên hợp quốc (UNEP) và Tổ chức Khí tượng Thế giới (WMO), là cơ quan nghiên cứu khoa học liên quan đến khí hậu trên thế giới [1]. IPCC đã đưa ra báo cáo đánh giá đầu

tiên, đóng vai trò quan trọng trong các cuộc đàm phán quốc tế về biến đổi khí hậu tại năm 1990. Đó là Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (UNFCCC). UNFCCC là một hiệp ước quốc tế gồm nhiều nước nhằm đưa ra biện pháp giảm sự nóng lên toàn cầu và ứng phó với hậu quả của biến đổi khí hậu. Khi báo cáo đánh giá thứ hai của IPCC được ban hành năm 1995, điều đó đã dẫn đến Nghị định thư Kyoto đã được công bố vào năm 1997. Nghị định thư Kyoto đã được 175 bên phê chuẩn, bao gồm 36 bên và Liên minh châu Âu, nhằm giảm lượng khí thải nhà kính xuống dưới mức năm 1990. Nghị định đã đưa ra ba cơ chế hợp tác để giúp các nước công nghiệp giảm chi phí để đạt mục tiêu giảm

* Tác giả liên hệ.

Địa chỉ email: nguyenquynhnga95@gmail.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1116/vnupam.4521>

phát thải bằng cách giảm phát thải ở các nước khác có chi phí thấp hơn. Các cơ chế hợp tác là cơ chế giao dịch phát thải Cơ chế tín dụng chung (Joint Crediting Mechanism (JCM)), cơ chế đồng thực hiện (Joint Implementation (JI)) và cơ chế phát triển sạch (Clean Development Mechanism (CDM)). Tuy nhiên, nghị định này lại chỉ tập chung vào các quốc gia công nghiệp hoá trong việc giảm phát thải, các nước đang phát triển được miễn trừ. Vì vậy, nó đã dẫn đến nhiều tranh cãi từ các quốc gia trong đó hai quốc gia phát thải khí nhà kính lớn nhất trên thế giới là Hoa Kỳ và Trung Quốc [2].

Đến tận năm 2015, thoả thuận Paris đã được thiết lập nền tảng từ báo cáo đánh giá lần thứ 5 là 195 quốc gia cam kết sẽ hạn chế sự nóng lên toàn cầu ở mức dưới 2 °C. Thoả thuận Paris cùng sự đồng thuận chung tay nỗ lực giảm phát thải khí nhà kính tại Điều 6. Tất cả các bên cam kết thực hiện các hành động giảm phát thải từ mục tiêu giảm khí nhà kính qua Đóng góp quốc gia tự quyết định (NDC), phát triển các chiến lược thích ứng và phục hồi ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, sáng kiến công nghệ để giảm phát thải và hướng tới bền vững, các giải pháp hỗ trợ tài chính. Các bên tham gia thoả thuận cùng nhau hợp tác xuyên biên giới để đạt được lợi ích chung về mặt cam kết giảm phát thải và kinh tế của bản thân bên tham gia thoả thuận. Bên cạnh đó, thoả thuận hợp tác này cũng được coi là phương tiện truyền kiến thức và công nghệ hiện đại giữa các quốc gia thúc đẩy sự chuyển đổi đời sống và chính sách hướng phát triển bền vững [3, 4].

Phát thải khí nhà kính toàn cầu đã đạt 57,4 tỷ tấn CO₂ tđ (tương đương). Với các mục tiêu đã đặt ra trong NDC của tất cả các quốc gia đã công bố, tổng lượng phát thải khí nhà kính vẫn cao hơn 11-14 tỷ tấn CO₂ tđ so với giá trị để giữ mức tăng nhiệt độ toàn cầu dưới 2 °C vào năm 2030. Đến năm 2050 với các mục tiêu net-zero và giảm phát thải có điều kiện thì mức thiếu hụt là 1 tỷ tấn CO₂ tđ để giữ mức tăng nhiệt độ toàn cầu dưới 2 °C [5]. Biến đổi khí hậu không thể quy cho từng quốc gia nên việc nỗ lực phối hợp giữa các quốc gia trở thành một con đường để giảm phát thải khí nhà kính chung trên thế giới hiện nay.

Việt Nam đã đặt ra mục tiêu đạt phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050. Tổng nhu cầu về tài chính để giảm phát thải theo mục tiêu đóng góp có điều kiện đến năm 2030 là khoảng 86 tỷ USD [6]. Ngoài ra, Việt Nam cần khoảng 368 tỷ USD để ứng phó với biến đổi khí hậu và hướng tới net-zero trong giai đoạn 2022-2040 [7]. Do đó, các cơ chế hợp tác giảm phát thải có thể mang lại các lợi ích về nguồn đầu tư, các công nghệ, giải pháp khí hậu cũng như giúp đạt mục tiêu giảm phát thải đã đặt ra của Việt Nam.

Nghiên cứu sẽ tập trung vào các cơ chế hợp tác quốc tế giảm phát thải giữa các quốc gia và vùng lãnh thổ có liên quan đến các cam kết quốc tế và lợi ích giảm phát thải cũng như lợi ích về kinh tế của các cơ chế hợp tác quốc tế. Nghiên cứu này sử dụng phương pháp tổng hợp để tổng quan các kết quả, lợi ích của các cơ chế cũng như kinh nghiệm của Việt Nam thông qua các văn kiện của dự án, các báo cáo cũng như các nghiên cứu có liên quan. Bằng cách tổng quan các lợi ích này, nghiên cứu có thể giúp các nhà hoạch định chính sách, nhà nghiên cứu về biến đổi khí hậu ở Việt Nam xây dựng các chiến lược hiệu quả hơn trong việc ứng phó với biến đổi khí hậu và giảm phát thải khí nhà kính theo xu hướng Thoả thuận, Cam kết trên thế giới.

2. Các cơ chế hợp tác sau Nghị định thư Kyoto

2.1. Cơ chế phát triển sạch (CDM)

Cơ chế CDM (CDM -Clean Development Mechanism) thuộc điều 12 của Nghị định thư Kyoto, cho phép các nước ở phụ lục I có thể đạt mục tiêu với chi phí thấp hơn thông qua các dự án giảm phát thải ở các nước ngoài phụ lục và nhận tín chỉ [7]. Các dự án thuộc cơ chế CDM thuộc các nhóm sau: Sử dụng năng lượng hiệu quả, thu hồi metan, đồng phát điện, giao thông, nông nghiệp, sử dụng đất và dự án tiềm năng do quốc gia chủ quản xác định [8, 9]. Tính đến năm 2018, cơ chế đã có 140 quốc gia tham gia và nguồn đầu tư cho các dự án ước tính đạt 304 tỷ USD [10]. Tính đến hết tháng 8 năm 2023, số hoạt động CDM được đăng ký là 8.218, số hoạt

động CDM đã ban hành tín chỉ là 3.694, tổng số tín chỉ được ban hành là 2.416.896.868. Các hoạt động này chủ yếu ở Châu Á và Thái Bình Dương [11].

2.2. Cơ chế đồng thực hiện (JI)

Cơ chế JI (Joint Implementation - JI) thuộc điều 6 của Nghị định thư Kyoto, cho phép một quốc gia ở phụ lục I nhận được đơn vị giảm phát thải thông qua việc đầu tư, chuyển giao công nghệ hoặc tham gia vào dự án giảm phát thải của một quốc gia khác ở phụ lục I. Cơ chế này đưa ra một giải pháp linh hoạt và tiết kiệm chi phí cho quốc gia để đạt được một phần mục tiêu đồng thời mang lại nguồn đầu tư và công nghệ cho quốc gia diễn ra dự án [12]. Tính đến hết tháng 8 năm 2022, tổng số dự án được đưa ra trong giai đoạn 1 của cơ chế là 597, giai đoạn 2 có 332 dự án và một chương trình hành động. Tổng số đơn vị giảm phát thải đã được ban hành là 871.893.629 đơn vị [13].

2.3. Cơ chế tín dụng chung (JCM)

Cơ chế tín dụng chung (Joint Crediting Mechanism - JCM) được Chính phủ Nhật Bản đề xuất vào năm 2013. Nó là cơ chế hợp tác song phương tự nguyện giữa chính phủ Nhật Bản với các nước đang phát triển trong việc giảm phát thải khí nhà kính, dựa trên các nguyên tắc của Công ước Liên Hợp Quốc về Biến đổi khí nhà kính (UNFCCC) và Nghị định thư Kyoto. Mục đích của cơ chế hướng đến mục tiêu thúc đẩy việc áp dụng phổ biến và chuyển giao các công nghệ phát thải các-bon thấp, thực hiện các hành động giảm thiểu khí nhà kính nhằm đóng góp vào phát triển bền vững ở các nước đối tác. JCM cũng để đánh giá những đóng góp của Nhật Bản và tạo điều kiện cho các hành động toàn cầu nhằm giảm phát thải khí nhà kính. Tính đến tháng hai năm 2024, đã có 29 nước hợp tác với Nhật Bản qua cơ chế JCM bao gồm: Mông Cổ, Bangladesh, Ethiopia, Kenya, Maldives, Việt Nam, Lào, Indonesia, Costa Rica, Palau, Campuchia, Mexico, Ả Rập Xê Út, Chile, Myanmar, Thái Lan, Philippines, Senegal,

Tunisia, Azerbaijan, Moldova, Georgia, Sri Lanka, Uzbekistan, Papua New Guinea, Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất (UAE), Kyrgyzstan, Kazakhstan và Ukraine [14].

Tuy rằng ban đầu có rất nhiều ý kiến rằng sự hình thành cơ chế này có thể gây ra xung đột với các quy tắc của Tổ chức thương mại Thế giới, sự thay đổi chính sách hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) của Nhật Bản và Thỏa thuận Paris đã ban hành Điều 6 quy định các cơ chế thị trường hợp tác quốc tế để đạt được mục tiêu hạn chế mức tăng nhiệt độ toàn cầu xuống còn 1,5 °C trên toàn cầu [14]. Vì vậy, JCM là một trong những cơ chế đi đầu theo hướng Điều 6.2 đang được quan tâm khi nhiều nước trên thế giới đã nhìn thấy những kết quả đạt được. Các dự án trong hợp tác bằng cơ chế JCM sử dụng công nghệ chuyên môn Nhật Bản để triển khai nhiều cách tiếp cận khác nhau nhằm giảm phát thải khí nhà kính, như lắp đặt đường dây truyền tải tiết kiệm năng lượng tại Mông Cổ; lắp đặt hệ thống tiết kiệm năng lượng tại các bệnh viện quốc gia của Việt Nam; lắp đặt hệ thống làm lạnh tiết kiệm năng lượng tại các trung tâm chế biến thực phẩm thương mại tại Indonesia; lắp đặt hệ thống quang điện mặt trời tại Maldives và Palau; và phát điện bằng cách thu hồi nhiệt thải trong ngành xi măng tại Indonesia. Giai đoạn 2013-2024, JCM đã đầu tư cho 246 dự án: 230 dự án đã được vận hành và 73 dự án được đăng ký như JCM dự án và 31 dự án tạo tín chỉ. Nguồn quỹ JCM cho các dự án là khoảng 12,8 tỷ yên Nhật cho 3 năm tài chính tính từ năm 2024 và mỗi dự án không quá 2 tỷ yên Nhật [15]. JCM đã chuyển giao và phổ biến công nghệ về các lĩnh vực năng lượng tái tạo, sử dụng năng lượng hiệu quả, giao thông, chất thải thành năng lượng, phục hồi và tiêu huỷ khí Flour và dự án “Giảm phát thải khí nhà kính thông qua việc hạn chế mất rừng và suy thoái rừng; Quản lý bền vững tài nguyên rừng; Bảo tồn và tăng cường trữ lượng các-bon (REDD+). Global Environment Centre Foundation 2024 đã thống kê bộ dữ liệu từ các dự án của JCM đã giảm phát thải đến 6,610.141 tấn CO₂/năm và tạo 30,356 tín chỉ các-bon cho các đối tác quốc gia hợp tác với Nhật Bản và 673,052 tín chỉ các-bon cho Nhật Bản [16].

3. Các cơ chế hợp tác quốc tế sau Thỏa thuận Paris

3.1. Kết quả giảm nhẹ được chuyển giao quốc tế (ITMO)¹

Kết quả giảm nhẹ được chuyển giao quốc tế (Internationally transferred mitigation outcomes ITMO) thuộc Điều 6, Thỏa thuận Paris được tạo ra thông qua các thỏa thuận hợp tác song phương, có thể được xem như tín chỉ các-bon. ITMO này bắt đầu có hiệu lực từ năm 2020 nhằm mục đích thay thế cho các hợp tác quốc tế khác như cơ chế CDM và cơ chế JI ở thời kỳ Nghị định thư Kyoto Protocol. Khái niệm ITMO được đưa ra để hướng tới đạt mục tiêu giảm phát thải quốc gia trong NDC và các mục đích giảm phát thải quốc tế khác. Các quốc gia sử dụng ITMO có thể thông qua việc hợp tác với các quốc gia khác trên thị trường các-bon quốc tế theo Điều 6.2 hoặc tham gia vào cơ chế do UNFCCC quản lý. Từ sau khi thỏa thuận song phương được đề cập đến trong Điều 6.2 của Thỏa thuận Paris, nhiều quốc gia đã tiến hành ký các Biên bản ghi nhớ (MOU) hoặc tuyên bố tham vọng của mình trong việc hợp tác với các quốc gia khác để trao đổi các kết quả giảm nhẹ nhằm mục đích giảm nhẹ biến đổi khí hậu. Hiện đã có 102 trong số 124 quốc gia tham gia Thỏa thuận Paris sẵn sàng sử dụng thỏa thuận để đạt được NDC của họ. Trung tâm Khí hậu Copenhagen (2024) đã thống kê được có 68 dự án thí điểm đang hoạt động ở Canada, Nhật Bản, Đức, Na Uy, Thụy Điển và Thụy Sĩ đang có kế hoạch mua tín chỉ [17]. Singapore đã ký biên bản ghi nhớ để tạo điều kiện thuận lợi cho ITMO và đặt mục tiêu trở thành trung tâm toàn cầu về giao dịch các-bon. Thụy Sĩ và Thái Lan là hai nước đầu tiên thành công theo cơ chế hợp tác dưới điều 6 của Thỏa thuận Paris. Kết quả giảm nhẹ được chuyển giao quốc tế (ITMO) đầu tiên từ hợp tác của hai quốc gia trên được thực hiện trong Chương trình xe

buýt điện tại Bangkok (The Bangkok E-Bus Programme) vào ngày 24 tháng 6 năm 2022. Tháng 12 năm 2023, Quỹ KliK ở Thụy Sĩ đã hoàn thành thành công việc phát triển, triển khai và chuyển giao 1.916 ITMO tương đương với tấn CO₂ để sử dụng trong NDC. Những kết quả giảm nhẹ này sẽ được Quỹ sử dụng để thực hiện nghĩa vụ được phép phát thải của mình theo Luật tại Thụy Sĩ cùng với đo Thái Lan đã cam kết điều chỉnh lượng khí nhà kính cho phù hợp [17]. Ngoài ra, Thụy Sĩ cũng đã ký Thỏa thuận với Peru năm 2020, Ghana ở COP 27 và Vanuatu.

3.2. Cơ chế phát triển bền vững (SDM)

Cơ chế phát triển bền vững “Sustainable Development Mechanism” (SDM) được giới thiệu tại Điều 6.4, thỏa thuận Paris dựa trên Cơ chế phát triển sạch (CDM). Cơ chế cũng tương tự như cơ chế CDM nhằm mục đích khuyến khích các dự án giảm phát thải ở các nước đang phát triển đồng thời thúc đẩy lợi ích đồng phát triển bền vững trên cơ sở tự nguyện. Cơ chế SDM bắt đầu có hiệu lực từ năm 2020 tuy nhiên các quy định liên quan đến nay vẫn đang được tiếp tục hoàn thiện.

4. Kinh nghiệm của Việt Nam trong việc thực thi cơ chế quốc tế

Việt Nam đã chính thức ký bản dự thảo tham gia Nghị định thư Kyoto vào năm 1998 và bắt đầu có hiệu lực từ ngày 16 tháng 02 năm 2005. Tuy nhiên, Việt Nam không nằm trong danh sách Bên phải cam kết giảm phát thải khí nhà kính mà chỉ cần tuân thủ theo Điều 10 của Nghị định thư bao gồm: i) Xây dựng các biện pháp thích ứng với biến đổi khí hậu, chương trình quốc gia, phương án giảm nhẹ phát thải khí nhà kính; ii) Xây dựng, thực hiện, công bố thông cáo quốc gia; iii) Thực hiện kiểm kê khí nhà kính cấp quốc gia, đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đối

¹ Có nhiều cách dịch về ITMO như: Tác động giảm nhẹ được chuyển giao quốc tế, Kết quả giảm thiểu được chuyển giao quốc tế, Kết quả giảm nhẹ được chuyển giao quốc tế. Cách dịch trong bài viết theo thông lệ dịch thuật ngữ này

trong các văn bản Luật, chính sách hiện nay phù hợp với khái niệm như Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 7 tháng 1 năm 2022 của Chính phủ.

với các lĩnh vực kinh tế - xã hội và xác định các vùng, lĩnh vực dễ bị tổn thương bởi biến đổi khí hậu, nước biển dâng; iv) tiến hành các hoạt động nghiên cứu và quan trắc những vấn đề liên quan đến khí hậu và biến đổi khí hậu; và v) Cập nhật và phổ biến các thông tin liên quan đến biến đổi khí hậu, cơ chế hợp tác như cơ chế phát triển sạch (CDM), các công nghệ để nâng cao nhận thức cho nhà hoạch định chính sách và người dân [18].

Sau khi tham gia Nghị định thư Kyoto, Việt Nam đã ban hành những văn bản và chính sách, thông cáo để thực hiện nghĩa vụ. Ngày 17 tháng 10 năm 2005, Chính phủ Việt Nam đã ban hành chỉ thị số 35/2005/CT-TTg về việc tổ chức thực hiện nghị định thư Kyoto thuộc công ước khung của Liên hợp quốc về Biến đổi khí hậu đến các Bộ, ngành liên quan thực hiện [19]. Trong đó Bộ Tài nguyên và Môi trường sẽ là cơ quan đầu mối của Chính phủ Việt Nam. Việt Nam đã xây dựng Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu năm 2008 tại Quyết định số 158/2008/QĐ-TTg ngày 02 tháng 12 năm 2008, nhằm triển khai thực hiện nhiệm vụ được đề ra trong Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 11 năm 2007 với mục đích đánh giá tác động của biến đổi khí hậu và xây dựng các biện pháp thích ứng và giảm nhẹ [20]. Việt Nam cũng đã vạch rõ chiến lược, quan điểm và giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu ở Quyết định số 2139/QĐ-TTg ngày 5 tháng 11 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về Chiến lược quốc gia biến đổi khí hậu và Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 26 tháng 7 năm 2022 về Chiến lược quốc gia Biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050 [21, 22]. Bên cạnh đó, Việt Nam cũng xây dựng Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh tại Quyết định số 1393/QĐ-TTg ngày 25 tháng 9 năm 2012 gồm các mục tiêu và biện pháp giảm thiểu và các quy định về liên kết với thị trường các-bon quốc tế. Việt Nam đã tiến hành kiểm kê khí nhà kính và báo cáo, công bố Thông cáo quốc gia cho UNFCCC vào các năm 2003, 2010, 2014 [23-25]. Năm 2014 và 2017, Việt Nam đã tiếp tục công bố “Báo cáo cập nhật hai năm đầu tiên của Việt Nam gửi cho công ước liên Hợp quốc về biến đổi khí hậu” và “Báo cáo cập nhật hai năm lần thứ hai của Việt Nam gửi cho công ước về biến đổi khí hậu”.

Đến nay, Việt Nam đã có kinh nghiệm tham gia một số các cơ chế hợp tác giảm phát thải khí nhà kính là CDM và JCM. Quyết định số 130/2007/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2007 của Thủ tướng chính phủ được ban hành về một số cơ chế chính sách tài chính đối với dự án đầu tư theo cơ chế phát triển sạch [26]. Các lĩnh vực của dự án CDM được quy định là Nâng cao hiệu quả sử dụng, bảo tồn và tiết kiệm năng lượng; Khai thác, ứng dụng các nguồn năng lượng tái tạo; Chuyển đổi sử dụng nhiên liệu hoá thạch nhằm giảm phát thải khí nhà kính; Thu hồi và sử dụng khí đốt đồng hành từ các mỏ khai thác dầu; Thu hồi khí metan (CH₄) từ các bãi chôn lấp rác thải, từ các hầm khai thác than để tiêu huỷ hoặc sử dụng cho phát điện, sinh hoạt; Trồng rừng hoặc tái trồng rừng để tăng khả năng hấp thụ, giảm phát thải khí nhà kính; Giảm phát thải khí metan (CH₄) từ các hoạt động trồng trọt và chăn nuôi; Các lĩnh vực khác mang lại kết quả giảm phát thải khí nhà kính. Dự án CDM được đầu tư theo ba hình thức và phải đáp ứng 8 điều kiện đã quy định. Tính đến năm 2020, Việt Nam đã đăng ký thành công 271 dự án CDM thuộc các lĩnh vực thủy điện, chất thải, sinh khối, hiệu quả năng lượng, năng lượng gió, năng lượng mặt trời, lâm nghiệp và khí. Trong đó, 78 dự án đã nhận tín chỉ giảm phát thải thuộc các lĩnh vực thủy điện, chất thải, năng lượng gió, sinh khối, hiệu quả sử dụng năng lượng, năng lượng mặt trời (01) và khí (01). Tổng số tín chỉ là 25.485.098 [25]. Tuy nhiên, hiện nay 2 cơ chế ITMO và SDM chưa có các quy định cụ thể và triển khai thực hiện nên Việt Nam đang tham gia và xây dựng các cơ chế này cho Việt Nam. Vì vậy, Việt Nam sẽ cần nghiên cứu và tham khảo dựa trên các kinh nghiệm tham gia CDM và JCM.

Đối với cơ chế JCM, Việt Nam đã tiến hành ký Biên bản ghi nhớ (MOU) rất sớm với Nhật Bản ngày 2 tháng 7 năm 2013 và sau đó ký lần thứ hai ngày 1 tháng 7 năm 2017 [27-29]. Vào ngày 6 tháng 4 năm 2015, Bộ Tài nguyên và môi trường đã ban hành thông tư số 17/2015/TT-BTNMT quy định việc xây dựng và thực hiện dự án theo cơ chế tín chỉ chung trong khuôn khổ hợp tác Việt Nam và Nhật Bản bao gồm các hoạt động về xây dựng, đăng ký, hoạt động dự án

trong Khuôn khổ bản ghi nhớ (MOU). Việt Nam đã hợp tác và nhận được tài trợ của Chính phủ Nhật Bản cho 37 dự án trong đó có 2 dự án về việc phục hồi và tiêu huỷ khí Flour.

Tuy nhiên, Việt Nam đang gặp nhiều khó khăn trong việc triển khai các cơ chế hợp tác quốc tế do thủ tục hành chính phức tạp và chi phí cao trong việc thực hiện Cơ chế. Cụ thể là việc cấp thư xác nhận và phê duyệt dự án CDM còn rườm rà, với yêu cầu hồ sơ không rõ ràng và thiếu hướng dẫn cụ thể, khiến doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc tuân thủ [30]. Tại Thông tư số 10/2006/TT-BTNMT ngày 12 tháng 12 năm 2006, quy định ban hành rằng sau khi nhận được Tài liệu ý tưởng dự án, Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét tính pháp lý của Tài liệu ý tưởng dự án cùng các văn bản kèm theo và gửi tới đại diện các Bộ, ngành có liên quan là thành viên Ban Tư vấn - Chỉ đạo về Cơ chế phát triển sạch để nghiên cứu, xem xét và có ý kiến nhận xét bằng văn bản. Căn cứ ý kiến của Ban Tư vấn - Chỉ đạo về Cơ chế phát triển sạch, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét để cấp Thư xác nhận dự án. Văn kiện thiết kế dự án được xây dựng thành 15 bộ tiếng Việt, 15 bộ tiếng Anh để gửi tới Bộ Tài nguyên và Môi trường. Thực tế, việc chuẩn bị, xây dựng, xác nhận và phê duyệt dự án CDM được thực hiện không quá 50 ngày và việc số ý kiến nhận xét, đánh giá bằng văn bản từ Ban chỉ đạo cần 16 ngày làm việc sau đó thời hạn xem xét cấp Thư phê duyệt PDD hoặc PoA-DD không quá 45 ngày làm việc. Do đó, các doanh nghiệp tư nhân thường triển khai CDM tốt hơn nhờ khả năng tìm kiếm thông tin và hỗ trợ tư vấn, trong khi các công ty liên doanh với cơ quan nhà nước triển khai chậm do cơ chế quản lý và thủ tục phê duyệt phức tạp và mất thời gian. Từ những nguyên nhân này, việc triển khai CDM bị kéo dài, ảnh hưởng đến lợi nhuận và động lực đầu tư từ các doanh nghiệp.

Khái niệm về bán tín chỉ các-bon được đưa ra gắn liền với các quốc gia đã thành công vượt qua mục tiêu giảm lượng phát thải khí nhà kính và bán những tín chỉ dư thừa cho các quốc gia khác cần để đạt mục tiêu của riêng mình. Ví dụ như Na Uy là một trong những các quốc gia sử

dụng hệ thống tín chỉ các-bon qua cơ chế hợp tác ITMO với các quốc gia khác cùng tham gia nhằm tăng cường các cam kết giảm phát thải và tạo cuộc sống bền vững cho người dân, hay là đất nước Nhật Bản là quốc gia đã đầu tư mạnh vào các thị trường tín chỉ các-bon để thúc đẩy sáng kiến "Trái đất mát mẻ" (Cool Earth 50). Nhưng việc bán tín chỉ này có thể gây khó khăn để đạt mục tiêu giảm phát thải tại Việt Nam do các giải pháp chi phí thấp đã được áp dụng và việc bán hết tín chỉ hoặc việc tạo ra tín chỉ dư thừa trong việc không có cơ chế hay khung pháp luật quy định rõ ràng. Khi Việt Nam đang trong giai đoạn đầu của quá trình công nghiệp hóa và phát triển kinh tế, nước này đã thực hiện nhiều giải pháp tiết kiệm chi phí để cắt giảm phát thải. Nếu Việt Nam bán đi các tín chỉ các-bon của mình, đất nước có thể khai thác sớm khả năng giảm phát thải tiết kiệm chi phí. Điều này có thể khiến cho việc đạt được các mục tiêu trong tương lai trở nên khó khăn hơn, vì các cơ hội giảm phát thải còn lại có thể sẽ tốn kém hơn hoặc công nghệ phức tạp hơn. Như vậy, nếu Việt Nam tập trung vào lợi ích ngắn hạn từ việc bán tín chỉ thay vì phát triển bền vững lâu dài thì đất nước có thể đánh mất những chiến lược cần thiết để đạt được những giảm phát thải có ý nghĩa trong tương lai. Do đó, Việt Nam cần phân tích cẩn thận và lập kế hoạch chiến lược để cân bằng giữa lợi ích kinh tế và sự bền vững lâu dài của các nỗ lực giảm phát thải từ những bài học trên thế giới và kinh nghiệm hợp tác quốc tế hiện nay.

Dù Việt Nam đang có một vài thách thức trong việc sử dụng các cơ chế hợp tác quốc tế, điều không thể phủ nhận rằng Việt Nam đã chứng kiến sự gia tăng đáng kể trong đầu tư nước ngoài nhờ vào việc thực hiện các cơ chế hợp tác quốc tế. Một trong những lợi ích lớn nhất từ việc thực hiện cơ chế CDM là khả năng thu hút đầu tư nước ngoài. Theo báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2020), lượng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào Việt Nam đã tăng liên tục trong những năm qua đạt 20,38 tỷ USD, tăng 6,7% so với cùng kỳ năm 2018, trong đó tổng số tiền lệ phí bán/chuyển CERs đã được thu nộp vào Quỹ BVMTVN là 45,52 tỷ đồng, của hơn 56 dự án CDM tính đến năm 2019 [31]. Thêm nữa, các dự

án cũng tăng cường lợi ích kinh tế cho chính đơn vị tham gia dự án. Một ví dụ về dự án JCM giữa Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức và Mitsubishi về nội dung rằng: Mitsubishi cung cấp cho bệnh viện 526 máy điều hòa inverter, 4 tủ hệ thống quản lý năng lượng, 6 bộ thông gió tận dụng nhiệt thải và 6 bộ quạt đảo gió. Dự án đã tiến hành nghiệm thu và đưa bệnh viện tiết kiệm trên 830 nghìn kWh điện (tương đương 1,23 tỷ đồng), giảm phát thải 518 tấn CO₂ mỗi năm.

Một trong những ảnh hưởng lớn của việc thực hiện cơ chế CDM là cải thiện chất lượng cuộc sống cho người dân địa phương. Các dự án năng lượng tái tạo giúp cung cấp nguồn điện sạch và bền vững, phục vụ cho đời sống và sản xuất của người dân. Chẳng hạn, trong các dự án điện gió ở Bình Thuận, hàng nghìn hộ dân đã được cung cấp điện ổn định, từ đó cải thiện điều kiện sống và tạo điều kiện cho phát triển kinh tế địa phương. Việc phát triển các dự án giảm phát thải không chỉ giúp bảo vệ môi trường mà còn tạo ra hàng triệu việc làm cho người dân. Theo báo cáo của tổ chức IRENA (Cơ quan Năng lượng Tái tạo Quốc tế), lĩnh vực năng lượng tái tạo có khả năng tạo ra nhiều việc làm hơn so với các ngành công nghiệp truyền thống. Các công việc này không chỉ bao gồm việc xây dựng và vận hành nhà máy điện mà còn liên quan đến nghiên cứu và phát triển công nghệ mới. Tham gia vào cơ chế CDM cũng giúp nâng cao nhận thức cộng đồng về các vấn đề bảo vệ môi trường và biến đổi khí hậu. Chính quyền địa phương và các tổ chức phi chính phủ thường tổ chức các hoạt động tuyên truyền, giáo dục cho người dân về tầm quan trọng của việc giảm phát thải và sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo. Nhờ đó, người dân có thể hiểu rõ hơn về tác động của hành động của mình đối với môi trường, từ đó có những thay đổi tích cực trong lối sống. Cuối cùng, một trong những lợi ích quan trọng từ việc thực hiện cơ chế hợp tác quốc tế là cải thiện đời sống xã hội của người dân. Các chương trình phát triển xã hội, y tế và giáo dục do các tổ chức quốc tế tài trợ đã góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cho nhiều người dân, đặc biệt là ở các vùng nông thôn và vùng sâu, vùng xa. Hợp tác trong lĩnh vực y tế đã giúp Việt Nam nâng cao khả năng

ứng phó với các dịch bệnh và cải thiện sự chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

5. Kết luận và kiến nghị

Bài viết đã nghiên cứu tổng quan về cơ chế hợp tác quốc tế trong hai giai đoạn của Nghị định thư Kyoto và thỏa thuận Paris cùng với lợi ích của những cơ chế hợp tác này về mặt kinh tế và xã hội. Bài nghiên cứu cũng tóm tắt kinh nghiệm của Việt Nam trong việc hợp tác quốc tế nhằm giảm thiểu phát thải khí nhà kính.

Hợp tác quốc tế có thể giúp cho các quốc gia cùng nhau làm việc để đạt được mục tiêu giảm phát thải nhà kính quy mô quốc gia và thế giới trong việc giải quyết biến đổi khí hậu toàn cầu. Nó cũng cho phép các quốc gia chia sẻ và chuyển giao công nghệ, kiến thức và chuyên môn nhằm giảm phát thải hiệu quả hơn không chỉ ở những nước phát triển và những nước đang phát triển. Thông qua kiến thức từ hợp tác này, các quốc gia có thể dễ dàng tham khảo các thiết lập quản lý các vấn đề biến đổi khí hậu và theo dõi tiến độ hướng tới các mục tiêu giảm phát thải, thúc đẩy tính minh bạch và trách nhiệm giải trình giữa các quốc gia. Việc hợp tác này còn là cơ hội để hỗ trợ tài chính các nước đang phát triển chuyển đổi sang nền kinh tế các-bon thấp và thích ứng với biến đổi khí hậu và hướng tới phát triển bền vững. Trong khi đó các nước phát triển có thể nâng cao tham vọng việc giảm phát thải bởi việc thúc đẩy các kiến thức và công nghệ của các quốc gia khác hướng tới cùng một mục tiêu. Hơn thế nữa, hợp tác quốc tế còn thúc đẩy các cơ hội kinh doanh trong lĩnh vực các-bon thấp và tạo cơ hội kinh tế, việc làm mới cho người dân.

Việt Nam đã có kinh nghiệm tham gia các cơ chế giảm phát thải khí nhà kính là CDM và JCM. Đây là những kinh nghiệm quan trọng cho việc tham gia các cơ chế hợp tác khác và theo thỏa thuận Paris. Việc tham gia các cơ chế hiện nay và trong tương lai có thể mang lại nguồn đầu tư, kỹ thuật, công nghệ cũng như đạt được giảm phát thải. Tuy nhiên, việc chuyển giao các kết quả giảm phát thải có thể sẽ tác động đến các nỗ lực và mục tiêu giảm phát thải của Việt Nam trong tương lai. Việt Nam sẽ phải thực hiện các giải

pháp giảm phát thải với chi phí cao hơn trong tương lai để đảm bảo các mục tiêu đã đề ra. Do đó, cần có các nghiên cứu khác về cơ chế hợp tác để đảm bảo cân bằng các lợi ích hiện tại và tiềm năng giảm phát thải trong tương lai cho Việt Nam.

Lời cảm ơn

Bài viết được thực hiện trong khuôn khổ dự án Fellowship của Chương trình Chương trình Mạng lưới Think Tanks và Tư duy Lãnh đạo vùng Mekong (Chương trình MTT)/Học bổng dành cho học giả được tài trợ trong năm 2024.

Tài liệu tham khảo

- [1] UK Research and Innovation, A Brief History of Climate Change Discoveries, <https://www.discover.ukri.org/a-brief-history-of-climate-change-discoveries/index.html>, 2024 (accessed on: September 10th, 2024).
- [2] B. K. Mignone, International Cooperation in A Post-Kyoto World, *Current History*, Vol. 106, pp. 362.
- [3] Abbott, W. Kenneth, Orchestrating Experimentation in Non-State Environmental Commitments, *Environmental Politics*, Vol. 26, No. 4, 2017, pp. 738-763, <https://www.tandfonline.com/doi/abs/10.1080/09644016.2017.1319631> (accessed on: September 10th, 2024).
- [4] S. Bernstein, M. Hoffman, Climate Politics, Metaphors and the Fractal Carbon Trap, *Nature Climate Change*, 2018, <https://doi.org/10.1038/s41558-019-0618-2>.
- [5] United Nations Environment Programme, Emissions Gap Report 2023: Broken Record – Temperatures Hit New Highs, Yet World Fails to Cut Emissions (Again), <https://www.unep.org/interactives/emissions-gap-report/2023> (accessed on: September 10th, 2024).
- [6] Ministry of Natural Resources and Environment 2022, Nationally Determined Contribution updated in 2022 (in Vietnamese).
- [7] World Bank (WB), Vietnam: National Report on Climate and Development, 2022 (in Vietnamese).
- [8] UNEP, Clean Development Mechanism Introduction to the CDM, https://unfccc.int/files/cooperation_and_support/capacity_building/application/pdf/unepcdmintro.pdf, 2002 (accessed on: September 10th, 2024).
- [9] UNDP, The Clean Development Mechanism: A User's Guide, <https://www.pembina.org/pub/users-guide-cdm-clean-development-mechanism-second-edition>, 2003 (accessed on: September 10th, 2024).
- [10] UNFCCC, Achievements of the Clean Development Mechanism Harnessing Incentive for Climate Action 2001-2018, https://unfccc.int/sites/default/files/resource/UNFCCC_CDM_report_2018.pdf, (accessed on: September 10th, 2024).
- [11] UNFCCC, Annual report of the Executive Board of the Clean Development Mechanism to the Conference of the Parties Serving as the Meeting of the Parties to the Kyoto Protocol, <https://unfccc.int/documents/632024>, 2023 (accessed on: September 10th, 2024).
- [12] UNFCCC, The Kyoto Protocol Mechanisms - International Emission Trading Clean Development Mechanism Joint Implementation, <https://unfccc.int/resource/docs/publications/mechanisms.pdf>, 2007 (accessed on: September 10th, 2024).
- [13] UNFCCC, Annual Report of the Joint Implementation Supervisory Committee to the Conference of the Parties Serving as the Meeting of the Parties to the Kyoto Protocol, <https://unfccc.int/documents/615093>, 2022 (accessed on: September 10th, 2024).
- [14] Ministry of Foreign Affairs of Japan, Joint Crediting Mechanism (JCM), https://www.mofa.go.jp/ic/ch/page1we_000105.html, 2024 (accessed on: September 10th, 2024).
- [15] Global Environment Centre Foundation, the Joint Crediting Mechanism (JCM), <https://gec.jp/jcm/studies-archive/>, 2024 (accessed on: September 10th, 2024).
- [16] UNEP Copenhagen Climate Centre, Article 6 Pipeline. <https://unepccc.org/article-6-pipeline/>, 2024 (accessed 10 September 2024)
- [17] Klik Foundation, First Ever ITMOs for NDC use. <https://www.klik.ch/news/news-article/first-ever-itmos-for-ndc-use>, 2024 (accessed on: September 10th, 2024).
- [18] Protocol K, Framework Convention On Climate Change. Kyoto Protocol, <https://unfccc.int/resource/docs/convkp/kpeng.pdf>, 2010 (accessed on: September 10th, 2024)
- [19] Prime Minister, Directive No. 35/2005/CT-TTg Dated October 17, 2005, on Organizing the Implementation of the Kyoto Protocol under the United Nations Framework Convention on Climate Change for Relevant Ministries and Sectors to Execute, <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tai->

- nguyen-Moi-truong/Chi-thi-35-2005-CT-TTg-to-chuc-thuc-hien-Nghi-dinh-thu-Kyoto-thuoc-Cong-uoc-khung-Lien-hop-quoc-bien-doi-khi-hau-4354.aspx, 2005 (accessed on: September 10th, 2024) (in Vietnamese).
- [20] Prime Minister of the Government, Decision No. 158/2008/QĐ-TTg dated December 2, 2008, on Approving the National Target Program, <https://chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=81233&tagid=4&type=1>, (accessed on: September 10th, 2024) (in Vietnamese).
- [21] Prime Minister of the Government, Decision No. 2139/QĐ-TTg dated November 5, 2011, on the National Strategy for Climate Change, <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tai-nguyen-Moi-truong/Quy-dinh-2139-QD-TTg-phe-duyet-Chien-luoc-quoc-gia-bien-doi-khi-hau-132631.aspx>, 2011 (accessed on: September 10th, 2024) (in Vietnamese).
- [22] Prime Minister of the Government, Decision No. 896/QĐ-TTg dated July 26, 2022, on the National Strategy for Climate Change until 2050, <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tai-nguyen-Moi-truong/Quy-dinh-896-QD-TTg-2022-phe-duyet-Chien-luoc-quoc-gia-bien-doi-khi-hau-den-2050-523527.aspx>, 2022 (accessed on: September 10th, 2024) (in Vietnamese).
- [23] Socialist Republic of Vietnam, Initial National Communication of Vietnam to the United Nations Framework Convention on Climate Change, <https://unfccc.int/resource/docs/natc/vnmnc01.pdf>, 2003 (accessed on: September 10th, 2024) (in Vietnamese).
- [24] Socialist Republic of Vietnam, Second National Communication of Vietnam to the United Nations Framework Convention on Climate Change, https://data.opendevlopmentmekong.net/library_record/thong-bao-qu-c-gia-l-n-th-hai-cho-cong-u-c-khung-c-a-lien-h-p-qu-c-v-bi-n-d-i-khi-h-u, 2010 (accessed on: September 10th, 2024) (in Vietnamese).
- [25] Socialist Republic of Vietnam, Third National Communication of Vietnam to the United Nations Framework Convention on Climate Change, https://unfccc.int/sites/default/files/resource/Viet%20Nam%20-%20NC3%20resubmission%2020%2004%202019_0.pdf, 2014 (accessed on: September 10th, 2024) (in Vietnamese).
- [26] Prime Minister, Decision No. 130/2007/QĐ-TTg dated August 02, 2007, on a number of financial policy mechanisms for investment projects under the Clean Development Mechanism, <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Dau-tu/Quy-dinh-130-2007-QD-TTg-co-che-chinh-sach-tai-chinh-du-an-dau-tu-co-che-phat-trien-sach-54405.aspx>, 2007 (accessed on: September 10th, 2024) (in Vietnamese).
- [27] Memorandum of Cooperation on Low-Carbon Growth between Vietnam and Japan 2013, https://www.jcm.go.jp/rules_and_guidelines/histories/41/JCM_VN_bilateral_document.pdf, 2024 (accessed 10 September 2024).
- [28] Memorandum of Cooperation on Low-Carbon Growth between Vietnam and Japan 2017, https://www.jcm.go.jp/rules_and_guidelines/histories/262/JCM_VN_bilateral_document_01June2017.pdf, 2024 (accessed on: September 10th, 2024).
- [29] Socialist Republic of Vietnam, Updated Biennial Report to UNFCCC Third Time, <https://unfccc.int/documents/273504>, 2020 (accessed on: September 10th, 2024).
- [30] N. V. Ha, D. D. Minh, Implementation of the Clean Development Mechanism in Vietnam, Opportunities and Challenges, Economic Research No 396, 2011, http://cantholib.org.vn:2014/Bai_bao_tap_chi/BTC.129383.PDF (accessed on: September 10th, 2024) (in Vietnamese).
- [31] Ministry of Planning and Investment, The Situation of Foreign Investment Attraction in 2019, 2020, <https://fia.mpi.gov.vn/Detail/CatID/f3cb5873-74b1-4a47-a57c-a491e0be4051/NewsID/944d566b-fb6f-457d-a025-de823c02785f> (accessed on: September 10th, 2024) (in Vietnamese).